

Bản án số: 98/2019/HS-ST
Ngày : 05-9-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyết;
2. Bà Đỗ Thị Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 92/2019/HSST ngày 12 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ V**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 02 năm 1984; tại: Đồng Nai; NĐKNKTT và nơi cư trú: Số X đường H, Phường Y, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Đỗ Văn Th và bà: Nguyễn Thị Thu H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/05/2013, Đỗ V bị Tòa án nhân dân quận M, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo Bản án số 95/2013/HSST. Đến nay đã xóa án tích; bị tạm giam từ ngày 26/04/2019 đến nay; có mặt.

- Bị hại: Anh Đặng Thanh C, sinh năm 1968; trú tại: Số M, đường N, Phường Y, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (vắng mặt).

Anh Ngô Thanh D, sinh năm 1977, trú tại: Số X, Quốc lộ E, thôn K, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đỗ V là đối tượng nghiện ma túy. Vào ngày 23/01/2019 và ngày 24/01/2019 tại địa bàn TP. B, Đỗ V đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể

như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 23/01/2019, Đỗ V đi bộ đến nhà anh Đặng Thanh C, tại số nhà M đường N, Phường Y, TP. B, Lâm Đồng thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Citi 110, màu đen, biển số 49K1-205.74 của anh C dựng trước sân nhà, không khóa cổng, không có người trông coi nên V đi vào sân dắt xe mô tô nêu trên ra đường N, đẩy bộ đến khu vực nhà hoang cạnh khu vực Chợ mới thuộc Phường Y, TP. B cất giấu.

Kết luận định giá tài sản số 51 ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP. B xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Citi, màu đen, biển số 49K1-205.74 trị giá 3.300.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 7 giờ sáng ngày 24/01/2019, Đỗ V dắt xe mô tô biển số 49K1-205.74 đến khu vực chợ cũ thuộc Phường Y, TP. B làm chìa khóa xe rồi điều khiển xe chạy về hướng xã L, TP. B. Khi điều khiển xe đến trước cửa hàng tạp hóa của anh Ngô Thanh D, tại số X Quốc lộ E, thôn K, xã L, TP. B, thấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki X-bike, màu trắng, đen, biển số 49K1-085.25 của anh D dựng cạnh hông nhà, trên xe cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi. V dừng lại bỏ xe mô tô biển số 49K1-205.74 trước cửa nhà số X Quốc lộ E, thôn K, xã L, TP. B rồi đi bộ đến lấy xe mô tô của anh D nổ máy chạy đến tiệm bán cá đối diện bờ hồ B. Tại đây, V chờ 01 đối tượng không rõ lai lịch đi mua ma túy và được đối tượng này cho 01 biển số xe số 60H7-3613. V điều khiển xe mô tô biển số 49K1-085.25 đến khu vực nghĩa địa ở phường B', TP. B, tháo biển số 49K1-085.25 cất vào giỏ và thay bằng biển số 60H7-3613. Đến ngày 29/01/2019, V điều khiển xe mô tô của anh D đến Quận N, Tp. Hồ Chí Minh, bán cho 01 đối tượng không rõ lai lịch được số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền có được, V mua ma túy của 01 đối tượng không rõ lai lịch tại Tp. Hồ Chí Minh để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận định giá số 51 ngày 26/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự TP. B xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki X-bike, màu trắng, đen, biển số 49K1-085.25 trị giá 9.100.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ trước nhà số X Quốc lộ E, thôn K, xã L, TP. B được 01 xe mô tô nhãn hiệu Citi, biển số 49K1-205.74 đã trả lại cho anh Đặng Thanh C. Đối với xe mô tô nhãn hiệu Suzuki X-bike biển số 49K1-085.25, Đỗ V đã bán cho 01 đối tượng không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Đối với biển số xe 49K1-085.25, Đỗ V đã làm rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đặng Thanh C đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về bồi thường dân sự. Anh Ngô Thanh D yêu cầu được bị cáo bồi thường số tiền 9.100.000 đồng là trị giá xe mô tô chưa thu hồi được, nhưng hiện nay Đỗ V chưa bồi

thường.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không thắc mắc khiêu nại đối với nội dung bản cáo trạng, bị cáo nhận thức hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật. Người bị hại anh Ngô Thanh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.100.000 đồng là trị giá xe mô tô bị trộm cắp.

Bản Cáo trạng số 96/CT-VKSBL ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Đỗ V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vào ngày 23/01/2019 tại Phường Y, TP. B, Đỗ V đã lén lút lấy trộm của anh Đặng Thanh C 01 xe mô tô nhãn hiệu Citi, biển số 49K1-205.74 trị giá 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng). Ngày 24/1/2019 tại xã L, TP. B, Đỗ V lén lút lấy trộm của anh Ngô Thanh D 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki X - bike, biển số 49K1-085.25 trị giá 9.100.000 đồng (chín triệu một trăm ngàn đồng). Hành vi của Đỗ V đã vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo V từ 18 đến 24 tháng tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Citi, biển số 49K1-205.74 và trả lại cho anh Đặng Thanh C nên đề nghị không xem xét. Về phần dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho anh Ngô Thanh D số tiền 9.100.000đ. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiêu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đỗ V đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Citi, biển số 49K1-205.74 trị giá 3.300.000 đồng (ba triệu ba trăm ngàn đồng) và 01 xe mô tô

nhãn hiệu Suzuki X - bike, biển số 49K1-085.25 trị giá 9.100.000 đồng (chín triệu một trăm ngàn đồng). Tổng giá trị tài sản trộm cắp của hai lần là 12.400.000đ (mười hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định trong Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo hai lần phạm tội mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng: Phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về nhân thân: Ngày 30/05/2013, Đỗ V bị Tòa án nhân dân quận M, Tp. Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo Bản án số 95/2013/HSST, đến nay đã xóa án tích.

Xét thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tính răn đe, giáo dục.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Thanh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.100.000đ tương đương trị giá tài sản bị chiếm đoạt, đây là yêu cầu chính đáng cần buộc bị cáo bồi thường số tiền nêu trên cho anh D.

[4] Xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra đã xử lý nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Đỗ V phạm tội “ Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đỗ V 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/04/2019.

2/ Về phần dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc Đỗ V có nghĩa vụ bồi thường cho anh Ngô Thanh D số tiền 9.100.000đ (Chín triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ

(hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 455.000đ (bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo, riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú